

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-PT

Ngày 24/8/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người được bà Th quyền: + Ông Dương Văn Nh, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Ông Tôn Đức T, địa chỉ: Xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Tiến D - Có mặt, bà Lê Thị Minh H – Vắng mặt, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: + Anh Nguyễn Trung H, đại chỉ: Làng T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai - Có mặt.

+ Anh Trần Minh V, địa chỉ: 324A N, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Công H, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Văng mặt.

Anh Đỗ Văn H, chị Phạm Thị Hồng N, cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Văng mặt.

Do có kháng cáo của ông Đỗ Tiến D, bà Lê Thị Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào cuối năm 2019 và năm 2020 bà Nguyễn Thị Th cho ông Đỗ Tiến D, bà Lê Thị Minh H vay số tiền là 1.065.000.000 đồng, có thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm, không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Do là chỗ quen biết nên khi bà Th cho vợ chồng ông D, bà H vay số tiền trên thì hai bên không viết giấy tờ gì. Đã nhiều lần bà Th yêu cầu vợ chồng ông D, bà H Th toán nợ cho bà Th nhưng họ cố tình không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 13/9/2022 bà Th đã đến nhà ông D, bà H yêu cầu ông bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Th. Tại nhà ông D, bà H khi nói chuyện với ông D thì bà Th đã ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa bà Th với ông D. Trong nội dung file ghi âm bà Th đã nhiều lần nhắc với ông D số tiền mà vợ chồng ông D, bà H còn nợ của bà Th là 1.065.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông D, bà H trả nợ cho bà Th. Đến ngày 23/9/2022 bà Th có ủy quyền cho ông Dương Văn Nh đến nhà ông D, bà H để thông báo cho ông D, bà H biết khoản nợ mà ông bà còn nợ của bà Th, ông Nh có thông báo cho ông D biết số tiền mà vợ chồng ông bà còn nợ của bà Th là 1.065.000.000 đồng và thông báo cho vợ chồng ông D biết trong thời hạn 10 ngày vợ chồng ông phải Th toán cho bà Th khoản nợ trên, nếu ông D, bà H có ý kiến gì thì đến gặp bà Th để trao đổi, đồng thời ông Nh có giao cho ông D thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông D từ chối nhận. Hết thời hạn thông báo trả nợ nhưng ông D, bà H không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông D, bà H phải có nghĩa vụ Th toán số tiền nợ gốc là 1.065.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 20%/năm kể từ ngày 01/10/2022 đến nay. Tại phiên tòa bà Th rút yêu cầu tính lãi.

Bà Th yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 197/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô cho đến khi ông D, bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ

Bị đơn ông Nguyễn Tiến D, bà Lê Thị Minh H trình bày: Ông D, bà H thừa nhận vào năm 2019 vợ chồng ông bà có vay của bà Th số tiền khoảng 600.000.000

đồng, khi vay vợ chồng ông D, bà H có ký vào giấy vay tiền. Từ thời điểm vay đến nay vợ chồng ông D, bà H đã thanh toán cho bà Th được một số tiền, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ông D không nhớ chính xác vào thời gian nào nhưng ông D có chuyển khoản cho bà Th một khoản tiền để Th toán tiền lãi.

Lần thứ hai: Vào ngày 14/5/2020 ông D chuyển vào số tài khoản của bà Th số tiền 200.000.000 đồng qua ngân hàng Agribank.

Lần thứ ba: Vào giáp tết năm 2022, ông D không nhớ chính xác thời gian cụ thể, bà H có chuyển cho bà Th số tiền 100.000.000 đồng qua dịch vụ của Viettel.

Lần thứ tư: Vào ngày 14/3/2022 bà H có chuyển vào tài khoản của bà Th số tiền 500.000.000 đồng qua ngân hàng Agribank.

Ngoài ra vợ chồng ông D, bà H có Th toán bằng tiền mặt cho bà Th nhưng không nhớ thời gian Th toán và số tiền Th toán là bao nhiêu. Ông D, bà H chỉ thừa nhận khoản vay khoảng 600.000.000 đồng, ngoài ra ông bà không vay bà Th khoản tiền nào khác. Ông D thừa nhận ngày 13/9/2022 bà Th có đến nhà ông D, bà H yêu cầu vợ chồng ông bà phải thanh toán nợ và ông D biết việc và Th có ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông D với bà Th, ông D thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm do bà Th cung cấp cho Tòa án là giọng nói của ông D nói chuyện với bà Th. Tuy nhiên trong đoạn ghi âm đó ông D chỉ thừa nhận có nợ tiền bà Th chứ không thừa nhận có nợ 1.065.000.000 đồng. Đồng thời ông D cũng thừa nhận ông Dương Văn Nh có đến nhà ông D và có giao cho ông D01 văn bản gì đó nhưng ông D từ chối không nhận.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th buộc ông D, bà H phải thanh toán số nợ gốc là 1.065.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Công H trình bày: Ông H là chồng của bà Th, ông biết việc bà Th cho vợ chồng ông D, bà H vay tiền nhưng khoản tiền đó là do bà Th vay mượn của bạn bè để cho ông D, bà H vay chứ không phải là tài sản chung của ông H, bà Th. Việc bà Th cho vợ chồng ông D, bà H vay tiền và khởi kiện vợ chồng ông D, bà H không liên quan gì đến ông Hoan. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông không có yêu cầu gì.

Anh Đỗ Văn H, chị Phạm Thị Hồng N trình bày: Vào năm 2022 vợ chồng anh H, chị N có nhận chuyển Nh của ông D, bà H một lô đất rẫy có diện tích khoảng 10.000.000m², tại thửa đất số 05, 27a tờ bản đồ số 17. Việc anh H, chị Nh nhận chuyển Nh quyền sử dụng đất của ông D, bà H được lập thành hợp đồng và công chứng chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Anh H, chị Nh đã thanh toán đầy đủ cho ông D, bà H và đã được ông D, bà H giao đất. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D, bà H với anh H, chị Nh chưa hoàn tất thủ tục sang tên. Hiện nay Tòa án đang áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với phần diện tích đất mà ông D, bà H chuyển nhượng cho anh H, chị Nh theo yêu cầu

của bà Th. Việc vợ chồng ông D nợ tiền của bà Th không liên quan gì đến vợ chồng anh H, chị Nh. Anh H, chị Nh không có yêu cầu độc lập, nếu sau này xảy ra tranh chấp thì anh chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người làm chứng ông Bùi Xuân Đ trình bày: Vào năm 2019 bà Th có vay của ông Đ số tiền 400.000.000 đồng, bà Th có nói với ông Đ là vay giúp cho ông D, bà H. Còn việc bà Th có cho ông D, bà H vay tiền hay không, vay bao nhiêu, vay vào thời gian nào thì ông Đ không biết.

Anh Lê Ánh Đ trình bày: Anh Đ là con rể của bà Th, vào cuối năm 2019 bà Th có gọi điện cho anh Đ hỏi vay tiền nên anh Đ có cho bà Th vay số tiền 500.000.000 đồng, bà Th có nói là vay cho vợ chồng anh Đ, chị H. Anh Đ không biết vợ chồng anh Đ, chị H vay của bà Th bao nhiêu tiền, vay vào thời gian nào.

Tại bản án số: 24/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

“1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th

Buộc ông Nguyễn Tiến D, bà Lê Thị Minh H trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.065.000.000 đồng”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đã rút, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2023 ông Đỗ Tiến D và bà Lê Thị Minh H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi lời khai cho rằng số tiền 1.065.000.000 đồng theo đơn khởi kiện ban đầu bao gồm cả số tiền 550.000.000 đồng được lập thành văn bản ngày 23/4/2019 có ký nhận của bị đơn và được bị đơn thừa nhận. Lý do là tại cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn và sau khi đối chiếu lại sổ sách thì mới phát hiện số tiền 550.000.000 đồng chưa trả nên đề nghị bị đơn trả số tiền này trong tổng số tiền 1.065.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các bên vì thừa nhận có nợ nhưng không trả số tiền nợ 1.065.000.000 đồng như trình bày của nguyên đơn mà chỉ nợ số tiền 550.000.000 đồng được lập thành văn bản ngày 23/4/2019 và đã chuyển trả cả gốc và lãi. Do vậy, đề nghị xem xét đối chiếu lại số nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông thay đổi một phần nội dung kháng nghị và phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông D, bà H. Sửa bản án sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời đề nghị tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của ông Đỗ Tiến D và bà Lê Thị Minh H kháng cáo trong hạn luật định, ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ, bà H chưa nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là có thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô trong hạn luật định.

[2]. *Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Theo tài liệu chứng cứ là file ghi âm ngày 13/9/2022 được chuyển thể thành Vi bằng và theo lời trình bày của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện nội dung giữa bà Th với vợ chồng ông D, bà H có giao dịch vay mượn tiền với nhau nhiều lần, có lúc lập thành văn bản, có lúc không lập. Tổng số tiền bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà H trả lại là **1.065.000.000 đồng**. Khoản tiền này theo trình bày của bà Th tại cấp sơ thẩm là không được lập thành văn bản, không có ký nhận của bị đơn nhưng cho rằng file ghi âm được phía bị đơn thừa nhận. Tại cấp phúc thẩm thì cho rằng bao gồm cả số tiền 550.000.000 đồng được lập thành văn bản ngày 23/4/2019. Do vậy, căn cứ vào nội dung file ghi âm này bà Th buộc ông D, bà H trả lại số tiền vay là 1.065.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th có cung cấp các giấy vay tiền (Bl 155 – 157) ngày 22/12/2018 với số tiền 50.000.000 đồng, ngày 26/12/2018 số tiền 220.000.000 đồng, ngày 18/3/2019 số tiền 70.000.000 đồng, ngày 16/12/2019 số tiền 70.000.000 đồng (đã gạch bỏ) và ngày 23/4/2019 số tiền 550.000.000 đồng (chưa gạch bỏ) Tổng các lần vay có viết giấy tờ là **960.000.000 đồng**.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía ông D, bà H chỉ thừa nhận vợ chồng ông có vay nhiều lần từ bà Th với lãi suất cao hơn lãi suất ngân hàng nhưng đã trả hết và gạch bỏ, khoản vay ngày 23/4/2019 số tiền 550.000.000 đồng ông thừa nhận có vay nhưng đã chuyển trả nhưng do chưa đối chiếu với bà Th nên chưa gạch bỏ. Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác. Quá trình giải quyết vụ án

ông có cung cấp các giấy tờ thể hiện có trả 03 lần là các ủy nhiệm chi ngày 14/5/2020 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 14/3/2022 số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản của bà Th với nội dung trả tiền vay, mượn của chị Th và qua dịch vụ Viettel số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả theo các tài liệu ông D cung cấp là **800.000.000** đồng, ngoài ra còn trả trực tiếp bằng tiền mặt nhưng chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ông D cho rằng còn nợ bà Th nhưng không pH số tiền 1.065.000.000 đồng. Nếu bà Th cung cấp đầy đủ chứng cứ về số nợ và có ký nhận của ông D thì ông sẽ trả cho bà Th đầy đủ.

[2.3]. *Hội đồng xét xử xét thấy*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng do quen biết nên năm 2019 và đầu năm 2020 có cho bị đơn vay nhiều lần nhưng không viết giấy tờ là không đúng vì hồ sơ vụ án thể hiện các giấy vay tiền do chính nguyên đơn cung cấp (B1 155 – 157) thể hiện bà Th có cho vợ chồng ông D vay nhiều khoản và ghi rất rõ kéo dài từ năm 2018 đến 16/12/2019. Do vậy, việc nguyên đơn cho rằng do quen biết nên không viết giấy tờ là có sự mâu thuẫn. Mặt khác, trong nội dung đoạn ghi âm khi nói chuyện với ông D ngày 13/9/2022 thì bà Th đã nhắc đến khoản nợ 1.065.000.000 đồng nhiều lần. Tuy nhiên không có nội dung nào ông D thừa nhận có nợ bà Th số tiền 1.065.000.000 đồng. Cũng trong file ghi âm ông D thừa nhận có nợ bà Th và hứa “sẽ trả đủ” nhưng cũng không có nội dung nào thể hiện trả đủ là bao nhiêu.

Do vậy, chứng cứ bà Th đưa ra là file ghi âm chưa đủ cơ sở để chứng minh ông D còn nợ bà Th số tiền 1.065.000.000 đồng và chưa đủ căn cứ để Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền này của bà. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th trên cơ sở file ghi âm được dịch ra Vi Bằng là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Hơn nữa, ông D trong quá trình giải quyết vụ án cũng thừa nhận có nợ và đề nghị bà Th cung cấp tài liệu, chứng cứ để đối chiếu các khoản nợ và số tiền ông D đã chuyển trả và sẽ trả nếu đủ căn cứ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Th chỉ cung cấp các tài liệu là 04 khoản nợ như đã nêu tại tiểu mục [2.1] nêu trên, trong đó có một số khoản đã bị gạch bỏ, theo các bên thừa nhận các khoản gạch bỏ tức đã trả. Khoản nợ 550.000.000 đồng chưa gạch bỏ nhưng bị đơn cho rằng đã chuyển trả cho bà Th. Tuy nhiên khoản vay 550.000.000 đồng bà Th lại thừa nhận tại cấp sơ thẩm là ông D đã trả rồi và các khoản nợ trước như trình bày của ông D bà Th không yêu cầu. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết đối với khoản vay này và trong phạm vi giải quyết tại cấp phúc thẩm cũng không xem xét giải quyết.

[3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nông, Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã nhận định nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết dựa trên căn cứ là file ghi âm để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ 1.065.000.000 đồng là không phù hợp. Do vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận nội dung kháng nghị này.

Đối với kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 550.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận như đã nhận định tại tiêu mục [2.3] nêu trên vì nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả và không khởi kiện yêu cầu đối với khoản vay này và bị đơn thì cho rằng đã trả nhưng chưa được đối chiếu để hạch sổ nên tại cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp. Bà Th có quyền khởi kiện đối với số tiền 550.000.000 đồng theo văn bản ngày 23/4/2019 bằng một vụ án dân sự khác nếu cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, bà H và có căn cứ để chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông D, bà H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[7]. Về Biện pháp khẩn cấp tạm thời: Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 197/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tiến D và bà Lê Thị Minh H và chấp nhận một phần yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Tiến D, bà Lê Thị Minh H trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.065.000.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Th.

3. Về án phí:

3.1. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 43.950.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 22.442.000 đồng mà bà Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003406, ngày 17/10/2022. Bà Th còn phải nộp 21.508.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3.3. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Tiến D đã nộp theo biên lai thu 0007344 ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 197/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Bùi Danh Đại